



zhuàn huí lái

赚回来

verb · earn back

Example Sentence

Tā nǔ lì gōng zuò , zhōng yú bǎ kuī de qián dōu zhuàn huí lái le .
他努力工作，终于把亏的钱都赚回来了。

He worked hard and finally earned back all
the money he had lost.

Trace each character, then write the word on your own.

赚	赚	赚	赚	赚	赚	赚	赚	赚	赚	赚
赚	赚	赚	赚	赚	赚					
回	回	回	回	回	回	回	回	回		
来	来	来	来	来	来	来	来	来	来	